

Số: /BC-SNN&PTNT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Dự án khai thác tiềm năng thủy điện từ các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4925/UBND-CN ngày 11/4/2023 về việc bố trí họp nghe báo cáo về cơ hội đầu tư dự án khai thác tiềm năng thủy điện từ các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu (bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy; (2) Các văn bản, báo cáo trình của Sở Nông nghiệp và PTNT: Số 793/SNN&PTNT-TL ngày 28/02/2023, số 1444/SNN&PTNT-TL ngày 31/3/2023; (3) Các văn bản tham gia ý kiến của các sở, ngành liên quan, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 807/SKHĐTKTNN ngày 17/02/2023, Sở Tài chính tại công văn số 693/STC-TCĐN ngày 20/2/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số 1226/STNMT-TNN ngày 21/02/2023, Sở Công Thương tại công văn số 315/SCT-QLNL ngày 16/02/2023, Sở Khoa học và Công nghệ tại công văn số 207/SKH-CN-TĐC ngày 17/02/2023, Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa tại văn bản số 04/CV-HKHTL ngày 16/02/2023, Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tại văn bản số 123/SC-KT ngày 15/02/2023, Công văn số 14239/UBND-NN ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa đồng ý chủ trương cho phép AGRIMECO được khảo sát, nghiên cứu các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (bước lập Báo cáo đề xuất cơ hội đầu tư), Thông báo số 404/TB-HĐND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh kết luận về phiên chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII; (4) Văn bản số 09/TTr-TCT ngày 09/01/2023 của AGRIMECO kèm theo Báo cáo cơ hội đầu tư và Bản đồ phạm vi, ranh giới khu vực đề nghị khảo sát (Có các hồ sơ, tài liệu gửi kèm); xin báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Thanh Hóa về cơ hội đầu tư của dự án, như sau:

I. CÁC THÔNG TIN CHÍNH CỦA ĐỀ XUẤT

1. Tên đề xuất: Khảo sát, nghiên cứu chi tiết, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án thủy điện. Kinh phí thực hiện, từ nguồn vốn của AGRIMECO.

2. Thông tin đơn vị đề xuất: Tổng Công ty cơ điện xây dựng - CTCP (viết tắt là AGRIMECO).

Địa chỉ trụ sở: Km 10 Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0100102887, ngày cấp 05/7/2010, thay đổi lần 1 ngày 09/5/2013.

Người đại diện pháp luật: Ông Lê Văn An; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Thông tin đề xuất:

Địa điểm thực hiện: Tại 09 công trình, hệ thống thủy lợi có tiềm năng và tính khả thi cao, gồm: Hệ thống hồ Yên Mỹ và đập Bồng Bồng, trên địa bàn các xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn và Yên Mỹ, huyện Nông Cống; hồ Cống Khê, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc; hệ thống hồ Sông Mực và đập Đồng Lớn, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh; Âu Quy Xá, trên kênh Bắc Hệ thống thủy lợi Bái Thượng, trên địa bàn các xã Thiệu Viên, Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa; đập Chiềng Lau, xã Ban Công, huyện Bá Thước; hồ Duồng Cốc, xã Điền Hạ, huyện Bá Thước.

Tổng công suất lắp máy dự kiến: $N_{lm} = 133,786MW$ (trong đó: Thủy điện Yên Mỹ công suất 1,2MW, thủy điện Bồng Bồng công suất 0,32MW, thủy điện Cống Khê công suất 0,25MW, thủy điện Sông Mực công suất 4MW, thủy điện Quy Xá công suất 0,696MW, thủy điện Ban Công công suất 0,43MW, thủy điện Duồng Cốc công suất 0,39MW, thủy điện tích năng Yên Mỹ - Bồng Bồng công suất 16,5MW, thủy điện tích năng Sông Mực - Đồng Lớn công suất 110MW).

Loại dự án, quy mô dự kiến: Công trình năng lượng, từ cấp IV đến cấp II.

Tổng mức đầu tư sơ bộ: 2.717,25 tỷ đồng.

Đơn vị tư vấn: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư phát triển Điện.

(Có Phụ lục 1: Bảng Thông số chính của dự án gửi kèm)

II. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

- Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Văn bản số 48/CV-TCT ngày 24/3/2020 của AGRIMECO gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ chứa thủy lợi.

- Công văn số 1269/ĐL-TĐ ngày 21/8/2020 của Cục Điều tiết và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương trả lời đề nghị AGRIMECO tại văn bản số 48/CV-TCT ngày 24/3/2020 theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ.

- Công văn số 1194/TCTL-ATĐ ngày 30/6/2020 của Tổng cục Thủy lợi về việc thí điểm khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ chứa thủy lợi.

- Quyết định số 2049/QĐ-BKHCN ngày 23/7/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

- Quyết định số 2458/QĐ-BKHCN ngày 07/9/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn thực hiện.

- Công văn số 14239/UBND-NN ngày 14/9/2021 UBND tỉnh Thanh Hóa về việc khảo sát, nghiên cứu các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đồng ý chủ trương cho phép AGRIMECO thực hiện bước lập Báo cáo đề xuất cơ hội đầu tư).

III. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆU QUẢ VÀ CÁC ẢNH HƯỞNG TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐỀ XUẤT

1. Tác động của dự án với phát triển kinh tế - xã hội

Các công trình thủy điện đề xuất thực hiện hầu hết đặt tại các huyện, xã miền núi trên địa bàn tỉnh, điều kiện kinh tế còn rất khó khăn. Nếu các công trình được đầu tư và đi vào vận hành sẽ đóng thuế để tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương khoảng 70 tỷ đồng/năm, cung cấp sản lượng điện cho quốc gia 152,139 triệu kWh/năm, góp phần bảo đảm nguồn cung cho nhu cầu điện của Tỉnh cũng như các huyện trên địa bàn miền núi. Dự án sẽ tạo thêm công ăn việc làm cho lao động địa phương trong quá trình thi công và đi vào hoạt động.

2. Đánh giá sơ bộ tác động của dự án

2.1. Diện tích chiếm đất dự kiến của các công trình

Tổng diện tích chiếm đất dự kiến của các công trình: Đối với thủy điện thông thường dự kiến từ (0,039-0,264)ha/công trình; thủy điện tích năng dự kiến từ (18,58-25,65)ha/công trình).

(Có Phụ lục 2: Diện tích chiếm đất dự kiến của các công trình kèm theo)

2.2. Một số ảnh hưởng khác

- Phạm vi dự kiến xây dựng các công trình chủ yếu ảnh hưởng đến đất thủy lợi, đất nông nghiệp, đất sông, suối và một phần đất rừng sản xuất, không có hộ phải di dời, tái định cư.

- Việc thực hiện dự án sẽ có ảnh hưởng tới môi trường xung quanh (đất, nước, không khí), tuyến đường dân sinh hiện có trong quá trình thi công xây dựng và vận hành do các hoạt động như: san ủi tạo mặt bằng, vận chuyển vật liệu, tiếng ồn từ các thiết bị, máy móc thi công, trạm nghiền sàng, khu vực khai thác vật liệu xây dựng, trạm trộn bê tông...

- Các ảnh hưởng của dự án sẽ được AGRIMECO thực hiện trong các bước tiếp theo, theo quy định, đặc biệt là công tác tham vấn cộng đồng dân cư vùng dự án và phương án đảm bảo sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng (nếu có).

IV. CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT xin khảo sát, nghiên cứu, đầu tư và chuyển giao công nghệ khai thác tiềm năng sẵn có từ các hồ chứa thủy lợi (Văn bản số 48/CV-TCT ngày 24/3/2020 của AGRIMECO). Đã được Văn phòng Chính phủ chỉ đạo và Cục Điều tiết và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương có ý kiến trả lời tại Công văn số 1269/ĐL-TĐ ngày 21/8/2020; Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Tổng cục Thủy lợi có ý kiến tham gia về đề xuất của AGRIMECO tại Công văn số 1194/TCTL-ATĐ ngày 30/6/2020 về việc thí điểm khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ chứa thủy lợi.

2. Báo cáo và được UBND tỉnh Thanh Hóa đồng ý chủ trương cho phép AGRIMECO được khảo sát, nghiên cứu các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (bước lập Báo cáo đề xuất cơ hội đầu tư) tại Công văn số 14239/UBND-NN ngày 14/9/2021.

3. Tổ chức khảo sát, nghiên cứu sơ bộ 20 hồ đập và 02 cặp hồ chứa có tiềm năng làm thủy điện và thủy điện tích năng. Trong đó, giai đoạn này dự kiến nghiên cứu chi tiết để xem xét đề xuất đầu tư 09 công trình có tiềm năng và tính khả thi cao nêu trên.

4. AGRIMECO đã lập Báo cáo cơ hội đầu tư dự án khai thác tiềm năng thủy điện từ các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, xin ý kiến của các sở, ngành liên quan và báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét, chấp thuận cho triển khai bước khảo sát, nghiên cứu chi tiết, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch bằng kinh phí từ nguồn vốn của tổng công ty.

5. Song hành với việc đề xuất UBND các tỉnh, thành trong cả nước được triển khai khảo sát, nghiên cứu khai thác tiềm năng các hồ chứa thủy lợi; AGRIMECO đang lập đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia về “Nghiên cứu thiết kế, công nghệ chế tạo và lắp đặt Trạm thủy điện nhỏ sử dụng Tuabin trong ống có công suất một tổ máy đến 6MW nhằm khai thác năng lượng nước từ các hồ chứa thủy lợi Việt Nam” để đề xuất với Hội đồng tư vấn tuyển chọn cấp quốc gia tham gia xem xét phê duyệt theo danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn thực hiện được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tại Quyết định số 2458/QĐ-BKH&CN ngày 07/9/2020.

V. Ý KIẾN CỦA CÁC SỞ, NGÀNH LIÊN QUAN

1. Các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa, Công ty TNHH một thành viên Sông Chu: Thống nhất với đề xuất của AGRIMECO.

2. Sở Tài chính: Báo cáo cơ hội đầu tư dự án chưa liên quan đến chức năng nhiệm vụ được giao, vì vậy Sở Tài chính không có ý kiến đối với các nội dung đề nghị của AGRIMECO.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hiện nay, UBND tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn

đến năm 2045 (bao gồm Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện) tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 07/01/2023. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT trên cơ sở quản lý ngành và ý kiến của Sở Công thương để tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Sở Công Thương:

- Việc đầu tư phát triển thủy điện từ các hồ chứa thủy lợi là phù hợp với Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: *“Tiếp tục phát triển nguồn thủy điện vừa và nhỏ có chọn lọc góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; tận dụng thế mạnh của nguồn cung cấp điện từ thủy điện vừa và nhỏ nhằm tăng khả năng cung cấp nguồn điện tại chỗ, góp phần nâng cao tỷ trọng phát triển công nghiệp, kết hợp hỗ trợ nguồn nước tưới cho nông nghiệp và nước sinh hoạt từ các hồ thủy điện đối với các địa bàn vùng sâu, vùng xa”*.

- Tuy nhiên, việc nghiên cứu, khảo sát, bổ sung quy hoạch các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh cần phải được đánh giá kỹ lưỡng, tuân thủ theo chủ trương thông báo kết luận của Chủ tịch HĐND tỉnh tại Thông báo số 404/TB-HĐND ngày 13/7/2018: *“Hạn chế và tiến tới dừng triển khai thực hiện các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh”*. Do đó, việc đề xuất bổ sung quy hoạch cần phải có ý kiến đồng ý chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy.

- Báo cáo của AGRIMECO chưa đánh giá kỹ lưỡng ảnh hưởng của việc xuất hiện dự án đến các đập của hồ thủy lợi; chưa đánh giá tính khả thi phương án đầu nối vào lưới điện quốc gia của các dự án; ảnh hưởng của dự án đến hệ thống lưới điện, các phụ tải đầu nối do tính chất đặc thù của dự án chỉ phát điện khi xả nước phục vụ thủy lợi. Hiện nay, cũng chưa có cơ chế cụ thể về giá, cơ chế khuyến khích phát triển về thủy điện tích năng.

VI. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. Nhận xét, đánh giá:

- Về cơ sở pháp lý của đề xuất:

+ Đề xuất của AGRIMECO: Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Bộ Chính trị ban hành tại Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020; đã được Tổng cục Thủy lợi thống nhất cho thực hiện nghiên cứu thí điểm khai thác tiềm năng thủy điện tại đập, hồ chứa thủy lợi tương tự tại Văn bản số 1194/TCTL-ATD ngày 30/6/2020; đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đồng ý chủ trương cho thực hiện khảo sát, nghiên cứu đánh giá thực trạng và xác định khả năng khai thác sử dụng của các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 14239/UBND-NN ngày 14/9/2021; đơn vị đã tổ chức khảo sát, lập Báo cáo cơ hội đầu tư dự án và lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành liên quan;

+ Loại hình thủy điện nhỏ sử dụng Tuabin trong ống dòng chảy thẳng do AGRIMECO đề xuất, hiện đang được Tổng công ty lập đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia về “Nghiên cứu thiết kế, công nghệ chế tạo và lắp đặt Trạm thủy điện nhỏ sử dụng Tuabin trong ống có công suất một tổ máy đến 6MW nhằm khai thác năng lượng nước từ các hồ chứa thủy lợi Việt Nam” theo Quyết định số 2458/QĐ-BKH&CN ngày 07/9/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn thực hiện. Đề án nghiên cứu này đã được AGRIMECO trình Hội đồng tư vấn tuyển chọn cấp quốc gia họp nghe báo cáo và góp ý điều chỉnh; hiện AGRIMECO đang tổ chức hoàn thiện để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Cơ sở thực tiễn:

+ Trên thế giới: Thủy điện công nghệ Tuabin trong ống dòng chảy thẳng như đề xuất của AGRIMECO đã có và được áp dụng ở các nước phát triển thủy điện nhỏ ở Châu Âu như Đức, Áo,...do các Tập đoàn lớn về công nghệ thủy điện như Voith (Đức) và Andritz (Áo) phát triển. Quá trình nghiên cứu, đoàn cán bộ của AGRIMECO đã sang thăm quan, hợp tác, học tập kinh nghiệm và mua sắm các thiết bị của các tập đoàn lớn nêu trên, trước khi đề xuất đề tài và triển khai thực hiện ở Việt Nam.

+ Tại Việt Nam: Thủy điện công nghệ Tuabin trong ống dòng chảy thẳng như đề xuất của AGRIMECO hiện là công nghệ mới; Nhà máy thủy điện Ngàn Trươi, tỉnh Hà Tĩnh hiện là công trình thủy điện đầu tiên tại Việt Nam được nghiên cứu áp dụng công nghệ này (*Dự án đã đấu nối với lưới điện quốc gia và phát điện tổ máy ứng dụng công nghệ này từ tháng 9/2022 đến nay với công suất 5.7MW, điện lượng năm $E_0=15,45$ triệu kWh*). Trên cơ sở tiềm năng sử dụng nước từ rất nhiều hồ chứa thủy lợi có sẵn và hiệu quả thực tế vận hành tốt của thủy điện Ngàn Trươi. AGRIMECO đã xin nghiên cứu triển khai trên 43 tỉnh có hồ chứa; hiện đã có trên 30 tỉnh cho phép Tổng công ty thực hiện bước khảo sát, nghiên cứu chi tiết, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch.

- Ưu điểm:

+ Tận dụng được các công trình thủy lợi hiện có để phát điện, không phải bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình đầu mối tạo đập, hồ chứa, giảm kinh phí đầu tư và không làm ảnh hưởng đến kết cấu các hạng mục chính mà vẫn đảm bảo các nhiệm vụ thiết kế của công trình; phát huy tối đa hiệu quả sử dụng nước (nguồn nước được sử dụng với nhiều mục tiêu khác nhau), nhất là đối với các công trình có lưu lượng và cột nước thấp.

+ Diện tích sử dụng đất ít, thời gian thi công ngắn (đối với các công trình thủy điện chỉ khoảng 06 tháng, thủy điện tích năng khoảng 02 năm); phạm vi giải phóng mặt bằng, môi trường sinh thái, di dân, tái định cư bản không ảnh hưởng lớn đến công trình thủy lợi và khu vực lân cận.

+ Hiệu suất phát điện theo công nghệ mới của AGRIMECO cao hơn do thiết kế 2 đường ống xả (1 ống xả trực tiếp ra kênh dẫn nước về hạ du và 1 ống xả ra dòng sông, suối tự nhiên), để tận dụng được tối đa thời gian vận hành phát điện, kết hợp với các mục đích dùng nước khác như tưới, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp,...

+ Góp phần điều tiết, ổn định lưới điện; đặc biệt đối với thủy điện tích năng có thể điều tiết, ổn định lưới điện vào các giờ cao điểm, thấp điểm và tăng khả năng phòng lũ cho công trình hồ chứa.

+ Đóng góp kinh phí vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế, phí sử dụng tài nguyên nước theo quy định.

- Nhược điểm:

+ Thời điểm phát điện phụ thuộc hoàn toàn vào thời điểm và nhu cầu sử dụng nước của hạ du và đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi.

+ Công tác phối hợp giữa các chủ thể quản lý (đơn vị quản lý công trình thủy lợi, nhà máy thủy điện, chính quyền địa phương,...) trong quản lý khai thác và vận hành công trình có thể phát sinh mâu thuẫn.

+ Đây là loại công trình mới, đang trong quá trình nghiên cứu ứng dụng và nhân rộng mô hình nên chưa có cơ chế hỗ trợ của nhà nước để phát triển loại hình thủy điện này.

- Hiệu quả kinh tế: Theo đánh giá của AGRIMECO thì suất đầu tư cho công trình thủy điện vào khoảng 25,014 tỷ đồng/1 MW và đối với thủy điện tích năng vào khoảng 20,04 tỷ đồng/1 MW. Với suất đầu tư này thì dự án đề xuất của AGRIMECO có suất đầu tư thấp hơn so với đầu tư thủy điện truyền thống khoảng 1,5 lần và thời gian hoàn vốn thì nhanh hơn khoảng 1,5 lần.

(Có Phụ lục 3: Sơ bộ tổng mức đầu tư và các chỉ tiêu kinh tế dự kiến của các công trình kèm theo)

2. Đề xuất, kiến nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Việc đầu tư dự án thủy điện nhỏ nhằm bổ sung nguồn điện sạch vào hệ thống lưới điện quốc gia, đồng thời tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương và việc làm cho người dân, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Tiếp tục phát triển nguồn thủy điện vừa và nhỏ có chọn lọc góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương; tận dụng thế mạnh của nguồn cung cấp điện từ thủy điện vừa và nhỏ nhằm tăng khả năng cung cấp nguồn điện tại chỗ, góp phần nâng cao tỷ trọng phát triển công nghiệp*”; phù hợp với Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*đưa tỉnh Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp nặng; trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo*”; phù hợp với Kế hoạch

số 212-KH/TU ngày 16/8/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*ngiên cứu xem xét về tiềm năng thủy điện trên địa bàn, cân nhắc kỹ lưỡng ảnh hưởng đến môi trường, sản xuất nông nghiệp, sự ổn định đời sống đồng bào khu vực miền núi của việc phát triển bổ sung thủy điện nhỏ và vừa, thủy điện tích năng.*”.

- Đề xuất khảo sát, nghiên cứu sơ bộ các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để lập Báo cáo đề xuất cơ hội đầu tư của AGRIMECO đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương tại Công văn số 14239/UBND-NN ngày 14/9/2021.

- Kết quả khảo sát, nghiên cứu, đánh giá sơ bộ cho thấy: Có 09 công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh có tiềm năng lớn để kết hợp khai thác phát điện, phát huy hết hiệu quả lợi dụng tổng hợp để phục vụ đa mục tiêu; có nhiều ưu điểm, thuận lợi hơn so với nhược điểm, khó khăn; ảnh hưởng về môi trường và sinh kế của người dân vùng dự án là nhỏ; tính khả thi cao để xem xét đầu tư. Tuy nhiên, báo cáo cơ hội đầu tư chỉ là bước đánh giá sơ bộ; để có đầy đủ cơ sở, số liệu đánh giá chi tiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung quy hoạch thì việc triển khai bước khảo sát, nghiên cứu chi tiết, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch theo đề xuất của AGRIMECO là cần thiết.

Từ những nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo, trình Thường trực tỉnh ủy:

(1) Thống nhất cho phép AGRIMECO khảo sát, nghiên cứu chi tiết, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án thủy điện (gồm 9 công trình: Thủy điện Yên Mỹ, thủy điện Bồng Bồng, thủy điện Công Khê, thủy điện Sông Mực, thủy điện Quy Xá, thủy điện Ban Công, thủy điện Duồng Cốc, thủy điện tích năng Yên Mỹ - Bồng Bồng, thủy điện tích năng Sông Mực - Đòng Lớn). Kinh phí thực hiện, từ nguồn vốn của AGRIMECO.

(2) Giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, yêu cầu AGRIMECO triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bí thư BCS Đảng UBND tỉnh;
- Các đ/c ủy viên BCS Đảng UBND tỉnh;
- PGĐ Sở Nguyễn Hoài Nam (để t/dõi);
- Lưu: VT, CN.

GIÁM ĐỐC

Cáo Văn Cường

Phụ lục 1: Bảng thông số chính Dự án khai thác tiềm năng thủy điện từ các hồ chứa thủy lợi tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Báo cáo số / BC-SNN&PTNT ngày tháng năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ công trình		F _{lv} (km ²)	Q _o (m ³ /s)	Loại Tua Bin	Q _{pđ} (m ³ /s)	H _{tt} (m)	N _{lm} (kW)	E _o (10 ⁶ kWh)	H _{sdlm} (giờ)	Tổng mức đầu tư sơ bộ (Tỷ đồng)
			Độ vĩ Bắc	Độ kinh Đông									
1	Thủy điện Yên Mỹ	TX. Nghi Sơn	19°29'36.24"N	105°39'56.50"E	137,0	3,75	Turbin Pipe Runner.	13	10,86	1200	2,400	2000	30,286
2	Thủy điện Bồng Bồng	TX. Nghi Sơn	19°29'43.29"N	105°41'29.89"E	137	3,75	Turbin Pipe Runner.	15	2,51	320	0,530	1667	7,693
3	Thủy điện Công Khê	H. Ngọc Lặc	20° 4'44.05"N	105°21'3.99"E	18,0	0,582	Turbin Pipe Runner	2,3	9,08/12,78	250	0,424	1698	6,391
4	Thủy điện Sông Mực	H. Như Thanh	19°36'56.11"N	105°31'47.05"E	236,0	6,389	Kaplan S-turbine	28.2	16.5	4000	8,130	2032	100,57
5	Thủy điện Quy Xá	H. Thiệu Hóa	19°52'18.79"N	105°39'18.96"E	Kênh	25	Turbin Pipe Runner	25	3,24	696	1,770	2545	17,522
6	Thủy điện Ban Công	H. Bá Thước	20°24'21.04"N	105°12'19.54"E	87,0	3,028	Turbin Pipe Runner	12	1,69/4,21	430	0,915	2127	10,32

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ công trình		F _{lv} (km ²)	Q _o (m ³ /s)	Loại Tua Bin	Q _{pd} (m ³ /s)	H _{tt} (m)	N _{lm} (kW)	E _o (10 ⁶ kWh)	H _{sdlm} (giờ)	Tổng mức đầu tư sơ bộ (Tỷ đồng)
			Độ vĩ Bắc	Độ kinh Đông									
7	Thủy điện Duông Cốc	H. Bá Thước	20°13'18.16"N	105°19'5.60"E	19,8	0,680	Turbin Pipe Runner	2,6	11,50/17,64	390	0,660	1682	9,48
8	Thủy điện tích năng Yên Mỹ - Bồng Bồng	TX Nghi Sơn	19°37'7.06"N	105°31'53.25"E	137,0	3,75	Pump Storage	165,6	11,40	16500	17,160	1040	330,361
9	Thủy điện tích năng Sông Mực – Đồng Lớn	H. Như Thanh	19°29'30.36"N	105°40'13.35"E	236,0	6,389	Pump Storage	696,9	19,50	110000	120,150	1040	2.204,63
Tổng										133,786	152,139	15.831	2.717,249

Ghi chú: Tổng công suất 7 dự án Thủy điện thông thường và 2 cặp Thủy điện tích năng là: 133,786 MW; Điện lượng trung bình E_o = 152,139 triệu kWh/năm.

Phụ lục 2: Diện tích chiếm đất dự kiến của các công trình

(Kèm theo Báo cáo số / BC-SNN&PTNT ngày tháng năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên công trình		Đơn vị	Thủy điện Yên Mỹ	Thủy điện Bồng Bồng	Thủy điện Cống Khê	Thủy điện Sông Mực	Thủy điện Quy Xá	Thủy điện Ban Công	Thủy điện Duồng Cốc	Tích năng Sông Mực-Đồng Lớn	Tích năng Yên Mỹ - Bồng Bồng	Tổng cộng	Ghi chú
	Hạng mục													
1	Cửa lấy nước	ha									3,88	3,88	7,76	
-	Đất thủy lợi	ha									3,88	3,88	7,76	
2	Cửa hầm	ha									0,52	0,52	1,04	
-	Đất cây bụi	ha									0,52	0,52	1,04	
3	Cửa ra	ha									2,95	2,95	5,90	
-	Đất cây bụi	ha									2,95	2,95	5,90	
4	Nhà máy thủy điện	ha	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,5	0,2	0,98	
-	Đất cây bụi	ha									0,5	0,2	0,7	
-	Đất thủy lợi	ha	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04			0,28	
5	Đường TC - VH	ha									0,5	0,35	0,85	
-	Đất cây bụi	ha									0,5	0,35	0,85	
6	Khu phụ trợ + bãi thải	ha	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	2,5	1,5	4,07	
-	Đất cây bụi	ha									2,5	1,5	4,0	
-	Đất thủy lợi	ha	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01			0,07	
7	Đường dây đầu nối	ha	0,135	0,11	0,232	0,01	0,04	0,04	0,015	0,015	14,3	8,68	23,562	
-	Móng trụ	ha									4,8	3,4	8,20	
+	Đất rừng sản xuất	ha									0,8	0,6	1,40	
+	Đất trồng cây hàng năm	ha	0,135	0,11	0,232	0,01	0,04	0,04	0,015	0,015	4,0	2,8	7,382	
-	Hành lang tuyến đường dây	ha									9,5	5,28	14,78	
+	Đất rừng sản xuất	ha									1,32	1,32	2,64	
+	Đất trồng cây lâu năm	ha									8,18	3,96	12,14	
8	Trạm OPY	ha	0,015	0,015	0,018	0,018	0,01	0,01	0,01	0,01	0,5	0,5	1,68	
-	Đất cây bụi	ha	0,015	0,015	0,018	0,018	0,01	0,01	0,01	0,01	0,5	0,5	1,68	
	Tổng cộng	ha	0,2	0,175	0,3	0,078	0,1	0,1	0,075	0,075	25,65	18,58	45,258	

Phụ lục 3: Sơ bộ tổng mức đầu tư và các chỉ tiêu kinh tế dự kiến của các công trình
(Kèm theo Báo cáo số / BC-SNN&PTNT ngày tháng năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên công trình	N_{lm}	Q_{pd}	H_{sd}	Điện Lượng E_0	Vốn ĐT thuần	NPV	IRR	B/C	T (hoàn vốn)
		kW	m ³ /s	Giờ	10 ³ kWh	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	(%)		(năm)
1	Thủy điện Yên Mỹ	1200	13	2000	2400	25,18	8,55	14,38	1,35	10n3th
2	Thủy điện Bòng Bòng	320	15	1667	530	6,41	1,70	12,61	1,27	14n4th
3	Thủy điện Cống Khê	250	2,3	1698	424	5,33	2,10	13,82	1,38	14n3th
4	Thủy điện Sông Mực	4000	28,2	2032	8130	79,69	27,18	13,76	1,30	11n3th
5	Thủy điện Quy Xá	696	25	2545	1770	15,3	5,21	14,41	1,35	10n3th
6	Thủy điện Ban Công	430	12	2127	915	8,64	3,38	13,86	1,39	13n3th
7	Thủy điện Duồng Cốc	390	2,6	1682	660	7,989	2,17	12,84	1,27	14n4th
8	Thủy điện Tích năng Yên Mỹ - Bòng Bòng	16500	165,6	1040	17.160	275,208	30,297	11,27	1,08	10n3th
9	Thủy điện Tích năng Sông Mực – Đồng Lớn	110000	696,9	1040	120.150	1.937,016	761,639	12,80	1,228	12n5th

Ghi chú:

- Suất đầu tư trung bình của các dự án áp dụng công nghệ mới này, đối với thủy điện thông thường là 25,014 tỷ đồng/1MW, thấp hơn khoảng 1,3 lần so với đầu tư thủy điện truyền thống; đối với thủy điện tích năng là 20,04 tỷ đồng/1 MW, thấp hơn khoảng 1,6 lần so với đầu tư thủy điện truyền thống (Thủy điện truyền thống có suất đầu tư trung bình khoảng 35 tỷ đồng/1MW).

- Thời gian hoàn vốn của các dự án áp dụng công nghệ mới này từ (10-14) năm, nhanh hơn thời gian hoàn vốn của thủy điện truyền thống khoảng 1,5 lần (thời gian hoàn vốn thủy điện truyền thống từ (16-18) năm).